

KQ/260008708

No.: NA260601-15NT02

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

VILAS 1399

- Các thông tin về mẫu (Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng) do khách hàng cung cấp / The sample information (Sample name, sample code, customer name) is provided by the customer;
- LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of detection;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- NT02: Nước thải sinh hoạt khu kỹ túc xá sau hệ thống xử lý nước thải công suất 280m3/ngày.đêm tại điểm đầu nối vào KCN. Tọa độ: 11°9'9,036"N – 106°20'1,513"E

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)****Nguyễn Tuấn Huy****TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)****Hoàng Hoài**

KQ/260010858
 No.: NA260702-14NT02

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**

Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX (VIỆT NAM) - Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18, KCN Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh**

Tên mẫu/ Name of sample : Nước thải

Số lượng/ Quantity : 01 mẫu

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 02/07/2026

Ngày trả kết quả/ Date of result : 20/07/2026

Mô tả mẫu/ Description : Mẫu nước chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	LOD/ Dải đo (LOD/ Meas. range)	Kết quả (Result)	Tiêu chuẩn đầu nối KCN Phước Đông
					NT02	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,54	6 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ Total dissolved solids	mg/L	QT-N-005	0 ÷ 100.000	195	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)/ Total suspended solids	mg/L	SMEWW 2540D:2023	1,5	3,2	150
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	3,0	12,2	250
5	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,0	5,2	150
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)/ Ammonium (NH ₄ ⁺ as N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	0,5	11,5	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,015	2,3	-
8	Sulfua (S ²⁻)/ Sulfide	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	0,03	KPH	0,5
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)/ Phosphat (PO ₄ ³⁻ as P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,01	0,55	-
10	Chất hoạt động bề mặt anion/ Anionic surfactants	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	0,03	KPH	-
11	Dầu mỡ động thực vật/ Animal & vegetable fats and oils	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,0	KPH	-
12	Tổng Coliform/ Total Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	2	7,9x10 ²	5.000

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/260008711
 No.: NA260601-15KT03-04

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**

Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX (VIỆT NAM) - Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18, KCN Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh**

Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải

Số lượng/ Quantity : 02 mẫu

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 01/06/2026

Ngày trả kết quả/ Date of result : 15/06/2026

Mô tả mẫu/ Description : Mẫu gồm 2*(02 giấy lọc, 02 chai dung dịch, 02 ống hấp phụ)

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	LOD/ Dải đo (LOD/ Meas. range)	Kết quả (Result)		QCVN 19:2009/ BTNMT
					KT03	KT04	Cột B/ (Column B (Kp=0,8; Kv=1))
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02	0 ÷ 4.718.340	14.160	13.440	-
2	Bụi tổng (PM)/ Total Particulate Matter	mg/Nm ³	US EPA 05	0,2	0,75	0,96	160
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA 08	3,0	KPH	KPH	40
4	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	5 ^(a)
5	Naphthalene	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	150 ^(a)
6	2-Pentanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	700 ^(a)
7	Metanol	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	260 ^(a)

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo, không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement, Partial copies of this test result sheet are not allowed;
- Các thông tin về mẫu (Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng) do khách hàng cung cấp / The sample information (Sample name, sample code, customer name) is provided by the customer;
- LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of detection;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Inorganic Substances and Dusts;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

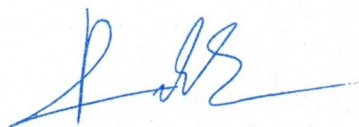
KQ/260008711

No.: NA260601-15KT03-04

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

VILAS 1399

- (a): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT03: KT03: Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn sấy bông của chuyển 02 tại xưởng M. Tọa độ: X=1233015,8/
Y= 590314,4
- KT04: KT04: Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn sấy bông của chuyển 01 tại xưởng N. Tọa độ: X=1233241,8/
Y= 590156,3

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)****Nguyễn Tuấn Huy****TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)****Hoàng Hoài**